

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 06/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Ông Trần Văn Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20a/2024/QĐXXS-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST- DS ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quý tín dụng nhân dân T

Địa chỉ: Thôn Thắng T1, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh S - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị N - Phó giám đốc Quý tín dụng nhân dân T

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn U, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đường Thị Phương N1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố 13, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt đại diện của nguyên đơn; ông B và bà N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/6/2021, vợ chồng ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 với Quỹ tín dụng nhân dân T có ký hợp đồng tín dụng số 685/21/HĐTD với nội dung: Vay số tiền 260.000.000 đồng. Mục đích vay: hoạt động dịch vụ mộc dân dụng, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền(15/6/2021). Lãi suất vay: 12.6%/năm, lãi suất có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có quyết định của Quỹ tín dụng nhân dân T, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thực hiện hợp đồng trên, ngân hàng đã giải ngân số tiền 260.000.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà Nhi.

Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên (bao gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 264/19/HĐTC ngày 28/01/2019 gồm thửa đất số 857, tờ bản đồ số 02, diện tích 146m² tọa lạc tại thôn U, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 664942 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 16/7/2013 đứng tên ông Lê Văn B, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn Tâm ngày 08/02/2017, cập nhật sang tên ông Lê Văn B ngày 11/9/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi nhận số tiền 260.000.000 đồng, vợ chồng ông B, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi, không trả cho quỹ tín dụng bất kỳ đồng tiền gốc và lãi nào. Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo nhưng ông B, bà N1 vẫn không thực hiện theo đúng hợp đồng. Tính đến ngày 06/5/2024, ông B và bà N1 còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 396.282.900 đồng(trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng).

Nay Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu ông B và bà N1 phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tính đến ngày 06/5/2024 là 396.282.900 đồng(trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng). Ngoài ra ông B và bà N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc và lãi phạt phát sinh trên lãi trong hạn kể từ ngày 07/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi trong hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp ông B và bà N1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và niêm yết hợp lệ cho ông B và bà N1 nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và gửi hồ sơ cho Viện

kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T

Buộc ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ tính đến ngày 06/5/2024 là 396.282.900 đồng (trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng).

Trường hợp ông B và bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên thì Quỹ tín dụng nhân dân T có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quỹ tín dụng nhân dân T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 yêu cầu trả tiền vay, nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Lê Văn B có địa chỉ tại Thôn U, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1:

Về sự vắng mặt của ông B và bà N1 tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: “Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông B và bà N1 vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông B và bà N1 tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B và bà N1.

[3] Về yêu cầu trả tiền gốc và lãi:

[3.1] Tại phiên tòa. Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu ông B và bà N1 thanh toán số nợ của hợp đồng tín dụng số 685/21/HĐTD ngày 14/6/2021 tính đến ngày 06/5/2021 là 396.282.900 đồng (trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng). Ngoài ra

ông B và bà N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc và lãi phạt phát sinh trên khoản nợ lãi trong hạn kể từ ngày 07/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi trong hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số 685/21/HĐTD ngày 14/6/2021 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với ông B và bà N1 là hợp lệ. Hợp đồng này có hình thức và nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng đã được các bên thỏa thuận ký kết về thời hạn cho vay và thời hạn thanh toán nợ, thời hạn chuyển nợ quá hạn, lãi phạt. Xét thấy, ông B và bà N1 không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết theo hợp đồng đã ký. Theo hợp đồng trên tính đến ngày 06/5/2024, ông B và bà N1 còn nợ số tiền 396.282.900 đồng (trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng). Ngoài ra ông B và bà N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc và lãi phạt phát sinh trên khoản nợ lãi trong hạn kể từ ngày 07/5/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi trong hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 685/21/HĐTD ngày 14/6/2021. Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280; Điều 351 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân T đối với các khoản nợ trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Kể từ ngày 07/5/2024, ông B và bà N1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc và lãi phạt phát sinh trên khoản nợ lãi trong hạn cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi trong hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 685/21/HĐTD ngày 14/6/2021.

[3.2] Về xử lý tài sản đảm bảo:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 264/19/HDTC ngày 28/01/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 857, tờ bản đồ số 02, diện tích 146m² tọa lạc tại thôn U, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 664942 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 16/7/2013 đứng tên ông Lê Văn B, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn Tâm ngày 08/02/2017, cập nhật sang tên ông Lê Văn B ngày 11/9/2018 nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của các khoản nợ tại hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi). Xét, hợp đồng thế chấp được công chứng theo đúng quy định và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hàm Thuận Bắc. Xét thấy, theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp thì Quỹ tín dụng nhân dân T có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm nếu đến hạn trả nợ mà bên có nghĩa vụ không thanh toán xong nợ. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu trường hợp ông B, bà N1 không trả được nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T thì phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ tại hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 303 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí DSST.

Ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 phải chịu án phí DSST sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 303, Điều 323, Điều 351 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T

Buộc ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ tính đến ngày 06/5/2024 là 396.282.900 đồng (trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng, lãi trong hạn 32.760.000 đồng, lãi quá hạn 96.360.600 đồng, lãi phạt 7.162.300 đồng).

Kể từ ngày 07/5/2024, ông B và bà N1 còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc và tiền lãi phạt phát sinh trên số nợ lãi trong hạn cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi trong hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tín dụng số 685/21/HĐTD ngày 14/6/2021

Trường hợp ông B và bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên thì Quỹ tín dụng nhân dân T có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với thửa đất số 857, tờ bản đồ số 02, diện tích 146m² tọa lạc tại thôn U, xã T, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 664942 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 16/7/2013 đứng tên ông Lê Văn B, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn Tâm ngày 08/02/2017, cập nhật sang tên ông Lê Văn B ngày 11/9/2018.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp, trừ các khoản nợ phải thanh toán, nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông B và bà N1 phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền còn thiếu.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

-Về án phí: Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 8.824.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019907 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 phải chịu 19.814.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn B và bà Đường Thị Phương N1 phải hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Quỹ tín dụng nhân dân T đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/5/2024) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Bắc
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Hơn

